

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DSST

Ngày: 26/01/2022

“V/v : *Tranh chấp hợp  
đồng vay T sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - TỈNH G**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bạch Quảng và bà Phạm Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân phố P, tỉnh G.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2021/TLST-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay T sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-DS ngày 07/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Dương Đức T và chị Nguyễn Như Q – Địa chỉ: 114 Lê Thánh Tôn, tổ 6, phường IaKring, thành phố P, tỉnh G.

Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Như Q là anh Dương Đức T – Địa chỉ: 114 Lê Thánh Tôn, tổ 6, phường IaKring, thành phố P, tỉnh G (Theo văn bản ủy quyền số 3698, quyền số 04/2021.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/9/2021 được công chứng tại Văn phòng Công chứng ĐAB).

- Bị đơn: Anh Đặng Tấn T và chị Phan Thị Kim H – Địa chỉ: 268 Lê Thành Tôn, tổ 10, phường IaKring, thành phố P, tỉnh G.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các T liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:***

Vợ chồng tôi (là Dương Đức T và Nguyễn Như Q) với vợ chồng anh Đặng Tấn T và chị Phan Thị Kim H là chỗ quen biết, hàng xóm nên vào thời gian trước ngày 04/6/2020 vợ chồng anh T, chị H đã nhiều lần đến gặp vợ chồng tôi để vay mượn tiền, nhưng vợ chồng tôi chỉ cho vay mỗi lần

khoảng từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng, sau khoảng từ 10 đến 15 ngày thì vợ chồng anh T, chị H trả liền để giữ uy tín; sau đó vợ chồng anh T, chị H muốn tạo niềm tin cho vợ chồng tôi nên đã thỏa thuận làm Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký vào ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Văn phòng công chứng ĐMK tỉnh G – 674 Phạm Văn Đồng, thành phố P, tỉnh G, giữa bên thế chấp là anh Đặng Tấn T và chị Phan Thị Kim H và bên nhận thế chấp là vợ chồng tôi (Dương Đức T và Nguyễn Như Q) quyền sử dụng đất là thửa đất số 434, tờ bản đồ số 69, diện tích 531,5m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại: Tổ 9, phường IaKring, thành phố P, tỉnh G với mục đích là khi vợ chồng anh T, chị H lấy hàng mà thiếu tiền thì chị H sang nhà vợ chồng tôi mượn tiền cũng thuận lợi vì đã có T sản đảm bảo cho khoản tiền đã vay, cụ thể vợ chồng tôi đã cho vợ chồng chị H, anh T vay từng lần như sau:

-Ngày 07/12/2020 vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu), có thế bìa CM605920.

-Ngày 13/12/2020 vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

-Ngày 18/12/2020 vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

-Ngày 22/12/2020 vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

-Ngày 24/12/2020 vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

-Ngày 29/12/2020 vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

-Ngày 03/01/2021 vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

-Ngày 04/01/2021 vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

-Ngày 06/01/2021 vay lần 1: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và lần 2 là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu).

-Ngày 10/01/2021 vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

-Ngày 02/12/2020 (âm lịch), tức ngày 14/01/2021 dương lịch vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

-Ngày 06/12/2020 (âm lịch), tức ngày 18/01/2021 dương lịch vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- Ngày 01/02/2021 vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Ngày 03/02/2021 vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Ngày 04/4/2021 vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), hẹn 1 tháng hoàn trả số tiền trên.

Tổng cộng vợ chồng chị H, anh T đã vay của vợ chồng tôi 930.000.000 đồng.

Đến nay vợ chồng chị H, anh T đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không trả nợ cho vợ chồng tôi, vậy nay vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Đặng Tấn T và chị Phan Thị Kim H phải trả số tiền 930.000.000 đồng (chín trăm ba mươi triệu).

Về lãi suất: Không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất.

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ khoản tiền thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí: Nguyên đơn đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

Đối với bị đơn anh Đặng Tấn T và chị Phan Thị Kim H trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp và xác định bị đơn cư trú tại số nhà 268B Lê Thánh Tôn, tổ 10, phường IaKring, thành phố P, tỉnh G. Nhưng cả hai đã đi khỏi nơi cư trú, cả hai không có mặt tại địa phương. Để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, yêu cầu bị đơn phải có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn và làm thủ tục Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo yêu cầu của nguyên đơn được quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng anh T và chị H không đến Tòa án làm việc, nên không có lời khai trình bày tại hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G:

- Về thủ tố tụng: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thực hiện đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tại phiên tòa nguyên đơn cũng đã trình bày rõ nguyên nhân về việc bên bị đơn có ký thế chấp T sản là quyền sử dụng đất để vay tiền của nguyên đơn, vì vậy việc ký vay tiền của nguyên đơn chỉ có một chữ ký của bà H đó là sự thỏa thuận của các bên, hơn nữa bị đơn cũng đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ, đây cũng là lý do để chứng minh vợ chồng chị H, anh T có vay số tiền 930.000.000 đồng của nguyên đơn. Vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo quy định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn anh Đặng Tấn T và chị Phan Thị Kim H có nơi cư trú tại thành phố P, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay T sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 02(hai) giấy mượn tiền với nhiều lần vay và từng thời gian từ ngày 07/12/2020 đến ngày 04/4/2021 (tổng cộng 16 lần vay tiền) nhưng chỉ có lần vay ngày 04/4/2021 có ghi thời hạn trả nợ là ngày 05/5/2021 âm lịch trả đủ, các bên không thỏa thuận lãi suất (Bút lục số 58, 59) và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (Bút lục số: 04,05,06); sau khi vay tiền đến hạn trả nợ bị đơn anh Đặng Tấn T và chị Phan Thị Kim H đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Việc ký kết vay mượn tiền có thể chấp T sản là quyền sử dụng đất để bảo đảm cho khoản vay 930.000.000đồng giữa nguyên đơn với bị đơn là hình thức giao dịch về dân sự trên cơ sở tự nguyện, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã bỏ trốn khỏi địa phương, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm cam kết giữa hai bên. Xét giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn phù hợp pháp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Đặng Tấn T và chị Phan Thị Kim H phải trả cho nguyên đơn anh Dương Đức T và chị Nguyễn Như Q số tiền gốc là 930.000.000đ (Chín trăm ba mươi triệu đồng); nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất, vì vậy không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Đặng Tấn T và chị Phan Thị Kim H phải chịu là: 39.900.000đồng (Ba mươi chín triệu, chín trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tạm ứng trước đây. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự (nguyên đơn đã nộp đủ).

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).**

**- Áp dụng các Điều 278, 280 và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015;**

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dương Đức T và chị Nguyễn Như Q.

[2]. Buộc bị đơn anh Đặng Tấn T và chị Phan Thị Kim H phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 930.000.000đ (Chín trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn anh Đặng Tấn T và chị Phan Thị Kim H phải chịu là: 39.900.000đồng (Ba mươi chín triệu, chín trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Dương Đức T và chị Nguyễn Như Q số tiền: 23.250.000đ (Hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000292 ngày 11/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, G.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh G;
- VKSND TP.P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ngà**

